

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

(Sau đây, “Công ty” được hiểu là Công ty mẹ và công ty con).

5. Cấu trúc Công ty

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực có trụ sở chính tại Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 thay đổi lần 04 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết là 34%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết theo số vốn thực góp là 36%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 618 nhân viên đang làm việc Công ty (số đầu năm là 654 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho (nguyên vật liệu, hàng hóa): bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ,

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thuê bãi. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuê bãi

Chi phí thuê bãi thể hiện khoản tiền thuê bãi đã trả cho phần kho bãi Công ty đang sử dụng. Tiền thuê bãi được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	162.531.976	1.573.973.627
Tiền gửi ngân hàng	10.748.673.263	12.001.351.879
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	123.000.000.000	140.000.000.000
Cộng	144.911.205.239	153.575.325.506

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	1.500.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	674.966.110	(32.215.621)
Cộng	<u>1.754.966.110</u>	<u>1.967.784.379</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh 7.200.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong số vốn điều lệ thực góp của Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh là 50%. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh là 5.200.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 thay đổi lần 04 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết là 34%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết theo số vốn thực góp là 36% tương ứng 1.080.000.000 đồng.

Giao dịch với công ty liên kết

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Góp vốn vào Công ty liên kết		1.000.000.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	590.204.903	27.431.818
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	315.580.800	427.976.600

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>44.836.407.439</u>	<u>51.762.211.811</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	41.598.806.233	49.765.701.279
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	181.401.500	79.250.900
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	2.333.636.500	1.283.906.150
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	39.752.000	
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	122.868.774	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	32.459.250	32.940.300
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	7.700.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình	21.945.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		55.000.000
Công ty Cổ phần Container Lạnh Tân Cảng	497.838.182	514.338.182
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh		31.075.000
Phải thu các khách hàng khác	<u>68.446.943.652</u>	<u>61.636.376.381</u>
Cộng	<u>113.283.351.091</u>	<u>113.398.588.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	657.299.191	657.299.191
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	657.299.191	657.299.191
Trả trước cho các người bán khác	2.301.862.646	3.751.877.208
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Vận tải An Gia	1.100.000.000	800.000.000
Công ty TNHH A.D.A	44.792.000	68.616.000
Tổng Cty ĐTPT Đường cao tốc Việt Nam - Cty TNHH ITV	568.159.998	
Công ty TNHH TM Phước An	396.475.200	
Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW		1.410.200.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Pacific		93.970.765
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Đại Phát	73.078.500	73.078.500
Công ty TNHH Hiệp Lực		1.242.556.325
Các nhà cung cấp khác	119.356.948	63.455.618
Cộng	2.959.161.837	4.409.176.399

5. Phải thu ngắn hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	529.405.637		467.482.299	
- Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	467.078.938		408.525.600	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	3.430.000		3.430.000	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	2.063.000		2.063.000	
- Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh			7.790.000	
- Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	54.183.699		41.388.699	
- Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	2.650.000		2.650.000	
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Miền Trung			1.635.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân	11.016.380.982		9.273.990.590	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	602.301.367		591.766.667	
Ký cược, ký quỹ	480.482.000		710.482.000	
Tạm ứng	5.292.108.857		4.604.300.443	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ	4.606.080.398		3.366.665.607	
Phải thu BHXH+BHYT+BHTN	23.595.371			
Phải thu tiền quyết toán thuế TNCN 2017	1.541.327			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.271.662		775.873	
Cộng	11.545.786.619		9.741.472.889	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	873.697.000		699.600.000	

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam (Phải thu tiền cung cấp dịch vụ) Trên 3 năm		129.156.004		Trên 3 năm	129.156.004	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Cảng Logistics (Phải thu tiền cung cấp dịch vụ)					116.032.000	
Cộng		129.156.004			245.188.004	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường				
Nguyên liệu, vật liệu	2.915.742.883		3.264.080.868	
Cộng	2.915.742.883		3.264.080.868	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí công cụ dụng cụ	472.640.762		1.306.545.754	
Chi phí sửa chữa tài sản	1.296.618.691		1.125.564.735	
Chi phí bảo hiểm	135.916.498		318.020.165	
Chi phí vé cầu đường			30.774.725	
Chi phí đồng phục			34.650.000	
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.208.529.483		2.721.625.146	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	4.113.705.434	5.537.180.525
8b. Chi phí trả trước dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	981.802.276	3.354.577.054
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	1.839.551.758	5.238.911.354
Chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	1.979.572.481	68.083.334
Chi phí thuê bãi		516.454.562
Các chi phí trả trước dài hạn khác	863.386.657	596.973.268
Cộng	5.664.313.172	9.774.999.572

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
9. Tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá						
Số đầu năm	141.379.997.649	256.541.288.350	211.246.984.777	4.980.826.199	46.854.558.280	661.003.655.255
Mua trong kỳ			10.539.161.455		122.085.454	10.308.376.364
Thanh lý, nhượng bán			(685.727.273)			(685.727.273)
Giảm khác		(198.500.000)	(2.801.663.636)	(110.400.000)	(869.742.239)	(3.980.305.875)
Số cuối kỳ	141.379.997.649	256.342.788.350	218.298.755.323	4.980.826.199	46.106.901.495	671.312.031.619
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56.713.362.255	5.454.495.363	3.092.814.147	1.492.297.704	66.666.605.833
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.576.350.571	123.630.935.827	101.496.743.851	4.643.864.058	18.850.109.695	293.198.004.002
Khấu hao trong năm	5.251.194.658	6.821.416.647	19.125.717.159	158.453.159	4.420.162.056	35.776.943.679
Thanh lý, nhượng bán			(537.153.036)			(537.153.036)
Giảm khác		(36.951.943)	(916.145.224)	(40.480.000)	(426.711.019)	(1.420.288.186)
Số cuối năm	47.201.947.900	130.415.400.531	108.813.087.399	4.725.531.472	21.069.483.127	311.072.302.662
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	96.803.647.078	132.910.352.523	109.750.240.926	336.962.141	28.004.448.585	367.805.651.253
Số cuối kỳ	91.552.452.420	125.927.387.819	99.129.592.573	108.588.982	23.263.340.763	339.981.362.557
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 295.755.735.049 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.768.631.800	1.381.895.699	2.386.736.101
Khấu hao trong kỳ		(418.617.619)	(418.617.619)
Số cuối kỳ	3.768.631.800	(1.755.868.861)	1.942.762.939

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang	3.653.566.801			3.653.566.801
<i>Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái</i>	2.398.465.181			2.398.465.181
<i>Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái</i>	32.537.120			32.537.120
<i>Phần mềm kho ngoại quan</i>	1.222.564.500			1.222.564.500
Cộng	3.653.566.801			3.653.566.801

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	851.995.609	1.218.163.804
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	513.095.372	(366.168.195)
<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>1.365.090.981</i>	<i>851.995.609</i>
<i>Hoàn nhập trong năm</i>	<i>(851.995.609)</i>	<i>(1.218.163.804)</i>
Số cuối năm	1.365.090.981	851.995.609

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	32.788.854.986	36.087.063.930
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.536.213.911	24.524.991.245
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	697.819.259	548.117.005

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	1.192.334.550	1.004.351.590
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.330.911.023	2.471.895.027
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	305.817.190	380.125.900
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC		76.554.400
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	60.877.278	58.116.663
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.533.604.100	1.076.396.610
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		477.829.900
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	2.152.825.810	2.752.189.130
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		2.772.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		146.938.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		61.646.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	206.881.400	199.686.300
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng		6.867.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		593.990.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	154.598.400	75.000.200
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		119.188.520
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	125.328.720	
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	1.491.643.345	1.510.407.940
Phải trả các nhà cung cấp khác	21.853.268.265	30.920.592.662
Cộng	54.642.123.251	67.007.656.592

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.246.652.156		30.172.627.242	29.953.565.337	3.465.714.061	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.613.462.575		7.709.351.080	6.014.764.203	5.308.049.452	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho bên liên doanh	692.008.203		412.485.569	692.008.203	412.485.569	
Thuế thu nhập cá nhân	780.648.597		2.251.102.277	2.304.927.780	726.823.094	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641	6.000.000	6.000.000		12.657.641
Cộng	8.332.771.531	12.657.641	40.551.566.176	38.971.265.523	9.913.072.184	12.657.641

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.993.718.092	8.439.654.874
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>7.993.718.092</u>	<u>8.439.654.874</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>5.471.565.067</u>	<u>474.936.021</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4.862.285.975	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	165.733.636	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		474.936.021
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	370.685.456	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	72.860.000	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		<u>4.194.918.283</u>
Chi phí cước điện thoại	81.929.827	17.606.447
Chi phí lãi vay phải trả	762.100.082	82.855.841
Chi phí lãi vay chia cho bên liên doanh	58.964.172	73.535.774
Chi phí cước vận chuyển quốc tế		76.590.765
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	360.143.500	368.228.000
Chi phí thuê kho		16.667.000
Chi phí cho người lao động	584.870.030	3.102.560.000
Chi phí hoa hồng	41.378.319	112.752.273
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	158.181.474	344.122.183
Cộng	<u>7.519.132.471</u>	<u>4.669.854.304</u>

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.954.118.815	3.088.689.208
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.954.118.815	3.088.689.208
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	21.736.466.278	6.514.431.646
Kinh phí công đoàn	580.892.345	780.747.407
Bảo hiểm xã hội	753.530.679	1.158.124.639
Bảo hiểm y tế	58.081.064	61.352.415
Bảo hiểm thất nghiệp	11.657.000	4.379.042
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	175.699.690	503.000.000
Tiền hoa hồng môi giới	43.744.939	161.053.761
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.216.679.950	1.377.225.650
Các khoản phải trả người lao động	42.664.023	113.841.344
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.853.516.588	2.354.707.388
Cộng	26.475.097.760	9.603.120.854

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Tân Cảng (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.330.000	22.330.000
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000
Cộng	8.643.942.981	8.643.942.981

(*) Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh “về việc hợp tác mua Cầu khung để cho thuê” ngày 09 tháng 6 năm 2015. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	49.276.951.300	50.270.539.304
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	47.606.551.300	48.600.139.304
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.670.400.000	1.670.400.000
Cộng	49.276.951.300	50.270.539.304

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	144.329.403.222	163.233.516.535
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ⁽ⁱⁱ⁾	1.531.200.000	2.366.400.000
Cộng	145.860.603.222	165.599.916.535

⁽ⁱ⁾ Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 7,9%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 127915/HĐTD-TDH/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015 để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 06 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF, tổng giá trị tài sản thế chấp là 10.440.000.000 VND.

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	49.276.951.300	50.270.539.304
Trên 1 năm đến 5 năm	117.383.164.990	130.012.426.007
Trên 5 năm	28.477.438.232	35.587.490.528
Cộng	195.137.554.522	215.870.455.839

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	165.599.916.535	195.075.612.005
Số tiền vay phát sinh	5.640.800.000	23.363.547.000
Số tiền vay đã trả		(2.568.703.166)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(25.380.113.313)	(50.270.539.304)
Số cuối năm	145.860.603.222	165.599.916.535

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.915.619.537	1.645.429.254	75.000.000	(1.870.162.660)	3.731.886.131
Quỹ phúc lợi	5.516.556.033	2.817.582.403	424.500.000	(3.785.869.299)	5.006.769.137
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	479.166.667	180.929.222		(200.000.000)	460.095.889
Cộng	9.911.342.237	4.643.940.879	499.500.000	(5.856.031.959)	9.198.751.157

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	34.823.275.467	90.502.990.723	24.430.532.324	299.739.378.514
Lợi nhuận trong năm trước		5.754.115.765	58.836.332.194	3.930.079.505	62.766.411.699
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		405.754.317	(14.982.367.443)	(539.395.043)	(9.228.251.678)
Trích lập các quỹ tại Công ty con			(988.663.630)	(2.852.000.000)	(1.122.304.356)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(89.600.000)	(29.848.864.400)
Thù lao HĐQT, BKS			(50.400.000)		(140.000.000)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	40.983.145.549	106.321.027.444	24.879.616.786	322.166.369.779
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	40.983.145.549	106.321.027.444	24.879.616.786	322.166.369.779
Lợi nhuận trong kỳ			24.909.003.992	1.572.927.284	26.481.931.276
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		2.539.204.221	(6.348.010.553)	(444.666.762)	(3.808.806.332)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		243.150.231	(675.618.016)	(2.040.000.000)	(877.134.547)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(3.098.939.648)	(29.036.864.400)
Giảm do công ty con trở thành cty liên kết		(97.263.787)	(124.767.836)		(3.320.971.271)
Số dư cuối kỳ	149.982.580.000	43.668.236.214	97.084.770.631	25.637.910.774	311.604.524.505

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

	<u>VND</u>
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.901.118.813
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.450.559.407
• Trích quỹ phúc lợi	: 2.720.161.517
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 180.957.296

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	30.005,19	11.144,62

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa		1.235.060.727
Doanh thu dịch vụ bốc xếp	257.023.327.907	236.416.413.608
Doanh thu các dịch vụ khác	62.335.192.439	96.064.834.284
Cộng	319.358.520.346	333.716.308.619

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	121.981.475.278	110.551.615.529
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	2.131.050.455	7.047.561.440
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	36.138.182	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	16.750.000	92.127.273
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Miền Trung	72.427.273	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		7.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	306.283.455	12.016.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép		7.272.727
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		44.850.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần		20.569.455
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	300.211.931	35.597.499
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh		27.431.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		102.950.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình		132.900.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Texhong		15.000.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép		5.400.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước		5.272.727

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	258.783.190.163	263.782.768.862
Cộng	258.783.190.163	263.782.768.862

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.163.288.963	2.611.423.464
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.346.316	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.566.999	52.357.078
Cộng	3.177.202.278	2.663.780.542

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.448.916.998	8.873.701.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.928.709	32.431.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản		140.040

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cộng	7.453.845.707	8.906.272.878
5. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.738.228	802.174.760
Chi phí bằng tiền khác	1.311.151.484	2.100.291.772
Cộng	3.325.121.304	2.902.466.532
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.541.937.011	7.014.901.751
Chi phí vật liệu quản lý	418.836.185	278.417.186
Chi phí đồ dùng văn phòng	455.851.637	653.842.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	630.164.266	608.973.754
Thuế, phí và lệ phí	28.003.455	110.153.960
Dự phòng phải thu khó đòi		116.032.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.064.746.354	3.530.598.591
Các chi phí khác	4.763.332.237	5.035.426.551
Cộng	18.902.871.145	17.348.346.383
7. Thu nhập khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	369.540.053	285.035.285
Thu tiền bồi thường		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	285.262.545	131.277.408
Thu nhập khác	14.979.492	910.419
Cộng	669.782.090	417.223.112
8. Chi phí khác		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	552.914.991	174.180.955
Chi phí bồi thường	100.352.132	90.839.020
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	148.574.237	
Chi phí phạt thuế	100.352.132	
Chi phí khác	39.477.323	54.476.288
Cộng	954.494.365	319.496.263

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.365.090.981)	(670.181.253)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	851.995.609	1.218.163.804
Cộng	(513.095.372)	547.982.551

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	24.909.003.992	32.905.295.759
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.555.601.534)	(4.989.076.506)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	20.353.402.458	27.811.709.258
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.998.258	14.998.258
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.357	1.861

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.331.836.339	29.647.025.718
Chi phí nhân công	64.521.749.853	75.988.056.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.221.192.357	32.607.492.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.642.069.732	125.444.091.615
Chi phí khác	14.294.334.331	20.346.915.132
Cộng	281.011.182.612	284.033.581.777

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Giám đốc tài chính). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương	939.187.853	963.822.994
Tiền thưởng	211.691.354	223.631.787
Cộng	<u>1.150.879.207</u>	<u>1.187.454.781</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1c. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 03 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã số thuế: **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 01 - DN*(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/6/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		279.612.454.740	289.693.294.016
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	144.911.205.239	153.575.325.506
1.Tiền	111		10.911.205.239	13.575.325.506
2.Các khoản tương đương tiền	112		134.000.000.000	140.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.659.143.543	127.304.049.476
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	113.283.351.091	113.398.588.192
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.959.161.837	4.409.176.399
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.545.786.619	9.741.472.889
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(129.156.004)	(245.188.004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		2.915.742.883	3.264.080.868
1.Hàng tồn kho	141	V.7	2.915.742.883	3.264.080.868
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		4.126.363.075	5.549.838.166
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.113.705.434	5.537.180.525
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	12.657.641	12.657.641
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		355.235.759.560	387.140.333.715
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		873.697.000	699.600.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216		873.697.000	699.600.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/6/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
1	2	3	4	5
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		341.924.125.496	370.192.387.354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	339.981.362.557	367.805.651.253
- Nguyên giá	222		666.998.869.016	661.003.655.255
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(327.017.506.459)	(293.198.004.002)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.942.762.939	2.386.736.101
- Nguyên giá	228		3.698.631.800	3.768.631.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.755.868.861)	(1.381.895.699)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.653.566.801	3.653.566.801
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.653.566.801	3.653.566.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.754.966.110	1.967.784.379
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.754.966.110	1.967.784.379
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			7.029.404.153	10.626.995.181
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.664.313.172	9.774.999.572
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.365.090.981	851.995.609
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		634.848.214.300	676.833.627.731
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		323.243.689.795	354.667.257.952
I. Nợ ngắn hạn	310		168.739.143.592	180.423.398.436
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	54.642.123.251	67.007.656.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.029.200	130.735.817
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.913.072.184	8.332.771.531
4. Phải trả người lao động	314		11.708.986.269	30.497.377.797
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.519.132.471	4.669.854.304
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	26.475.097.760	9.603.120.854
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	49.276.951.300	50.270.539.304
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	9.198.751.157	9.911.342.237
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/6/2018	Số đầu kỳ 01/1/2018
1	2	3	4	5
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		154.504.546.203	174.243.859.516
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		8.643.942.981	8.643.942.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18a	145.860.603.222	165.599.916.535
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		311.604.524.505	322.166.369.779
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	311.604.524.505	322.166.369.779
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		43.668.236.214	40.983.145.549
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.084.770.631	106.321.027.444
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79.559.043.130	
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.525.727.501	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.868.937.660	24.879.616.786
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		634.848.214.300	676.833.627.731

Ngày 03 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Trần Quang Thảo

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNGMã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2018	Quý 2/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3			6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	163.289.139.040	168.278.507.854	319.358.520.346	333.716.308.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		163.289.139.040	168.278.507.854	319.358.520.346	333.716.308.619
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	133.707.346.499	134.996.994.073	258.783.190.163	263.782.768.862
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.581.792.541	33.281.513.781	60.575.330.183	69.933.539.757
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.213.552.560	1.823.961.927	3.177.202.278	2.663.780.542
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	22	VI.4	3.677.659.377	4.603.890.441	7.453.845.707	8.906.272.878
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	23		3.673.990.118	4.603.559.651	7.448.916.998	8.873.701.538
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	176.571.966	(47.321.427)	176.571.966	(47.321.427)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.416.231.592	1.272.557.571	3.325.121.304	2.902.466.532
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		9.991.495.747	9.417.035.994	18.902.871.145	17.348.346.383
12. Thu nhập khác	31	VI.7	16.886.530.351	19.764.670.275	34.247.266.271	43.392.913.079
13. Chi phí khác	32	VI.8	524.508.376	(367.297.525)	669.782.090	417.223.112
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		571.247.452	(383.664.177)	954.494.365	319.496.263
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 + 40)	50		(46.739.076)	16.366.652	(284.712.275)	97.726.849
			16.839.791.275	19.781.036.927	33.962.553.996	43.490.639.928

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2018	Quý 2/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3			6	7
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.569.165.548	3.697.734.274	7.993.718.092	8.439.654.874
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(513.095.372)	547.982.551	(513.095.372)	547.982.551
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51-52)	60		12.783.721.099	15.535.320.102	26.481.931.276	34.503.002.503
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		12.078.358.338	14.822.107.976	24.909.003.992	32.905.295.759
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		705.362.761	713.212.126	1.572.927.284	1.597.706.744
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	636	835	1.357	1.861
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	636	835	1.357	1.861

Ngày 03 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng



Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc



Trần Quang Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	33.962.553.996	43.490.639.928
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	36.201.394.633	35.343.926.061
-	Các khoản dự phòng	03	-	116.032.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.346.316)	140.040
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.294.977.271)	(2.688.987.557)
-	Chi phí lãi vay	06	7.448.916.998	8.873.701.538
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	74.312.542.040	85.135.452.010
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.535.551.544)	(8.988.625.775)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	348.337.985	(445.057.111)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(33.773.483.149)	11.047.171.753
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.534.161.491	2.073.138.581
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(6.769.672.757)	(8.047.055.545)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.996.590.727)	(10.416.562.221)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	499.500.000	535.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.414.335.600)	(4.923.203.885)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	26.204.907.739	65.970.257.807
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.610.941.034)	(29.008.460.466)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	280.262.545	727.272.728
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.152.754.263	2.599.845.468
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.177.924.226)	(27.681.342.270)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	-	-

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.640.800.000	38.539.427.835
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.898.517.317)	(53.524.401.342)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.437.410.100)	(2.175.742.420)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.695.127.417)	(17.160.715.927)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.668.143.904)	21.128.199.610
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	153.575.325.506	134.244.599.664
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.023.637	(140.040)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	144.911.205.239	155.372.659.234

Ngày 03 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Trần Quang Thảo